

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt phương án thoái vốn của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam tại Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2013; sửa đổi, bổ sung lần 3 ngày 23/04/2018;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị kỳ họp lần thứ 15 nhiệm kỳ 2014 -2018 ngày 19/09/2017 về việc chủ trương thoái vốn tại Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/11/2017;

Căn cứ Phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT số 406/PLYK-HĐQT ngày 4/5/2018,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Phương án thoái vốn của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam tại Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam(chi tiết đính kèm).

Điều 2. Giao Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai các thủ tục cần thiết để thực hiện công tác thoái vốn theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổng Giám đốc và các cá nhân, đơn vị có liên quan căn cứ Nghị quyết thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CBTT
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, Thư ký

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Văn Hùng

ĐỀ CƯƠNG TÓM TẮT

I.	CĂN CỨ PHÁP LÝ	2
II.	MỤC ĐÍCH THOÁI VỐN	2
III.	THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO VIỆT NAM	3
1.	Giới thiệu chung về Công ty.....	3
2.	Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/03/2018.....	4
3.	Tình hình tài chính của Công ty	4
3.1	Bảng cân đối kế toán.....	4
3.2	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	7
3.3	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	7
3.4	Tài sản cố định đến ngày 31/03/2018	8
4.	Danh mục đất đai Công ty đang quản lý, sử dụng đến thời điểm 31/03/2018	9
5.	Tình hình sử dụng lao động của Công ty.....	9
5.1	Số lượng lao động.....	9
5.2	Chính sách đối với người lao động.....	10
5.3	Đánh giá về lượng lao động của Phốt Pho Việt Nam:.....	13
IV.	PHƯƠNG ÁN THOÁI VỐN	13
1.	Thông tin về cổ phần chuyển nhượng	13
2.	Triển khai phương án thoái vốn.....	14
3.	Lộ trình thoái vốn dự kiến	14
4.	Phương án bán tiếp số cổ phần không bán hết trong trường hợp bán đấu giá không thành công.....	14
5.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến của Phốt Pho Việt Nam sau khi thoái vốn.....	15
6.	Đánh giá lợi ích thu được và ảnh hưởng của việc thoái vốn	16
7.	Kiến nghị khác	17

PHƯƠNG ÁN THOÁI VỐN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM (CSV)
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO VIỆT NAM

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/06/2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Văn bản số 1649/HCVN-TCKT ngày 05/09/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc thông qua chủ trương thoái vốn tại Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 (dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/11/2017.

II. MỤC ĐÍCH THOÁI VỐN

Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (CSV) hiện là công ty mẹ của Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam, sở hữu 3.934.548 cổ phần, tương đương 65,05% vốn điều lệ. Tiền thân của Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam là Nhà máy Phốt Pho thuộc Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam (nay là Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam), được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 76/QĐ-HCVN ngày 08/03/2010 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam đã đóng góp lớn vào doanh thu và lợi nhuận của CSV trong thời gian qua.

Tuy nhiên, hiện nay CSV đang thực hiện dự án di dời 3 nhà máy lớn tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 sang Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6 theo chủ trương di dời của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với các nhà máy tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 từ năm 2010. Dự án này là dự án quan trọng và ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động kinh doanh của CSV. Do đó, CSV đang nỗ lực thực hiện công tác này để đảm bảo hoạt động kinh doanh trong thời

gian đi dòi không bị ảnh hưởng lớn. Song song đó, Công ty đang lập kế hoạch nguồn vốn để tài trợ cho dự án này. Dự kiến tổng nguồn vốn cần cho dự án này là 2.160 tỷ đồng.

Vì vậy, CSV đã đề xuất và được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thông qua chủ trương thoái toàn bộ số cổ phần CSV sở hữu tại Công ty Phốt Pho Việt Nam. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán Công ty dự kiến sử dụng cho Dự án đi dòi và đầu tư các nhà máy hóa chất ở Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6.

III. THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO VIỆT NAM

1. Giới thiệu chung về Công ty

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam
- Tên viết tắt: Phốt pho Việt Nam
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loỏng, Thị trấn Tăng Loỏng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai
- Điện thoại: 0214 3860488 Fax: 0214 3863037
- Email: photphovietnam@gmail.com
- Vốn điều lệ: 60.487.200.000 đồng
- Công ty cổ phần Phốt pho Việt Nam là công ty cổ phần chưa đại chúng, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300433116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 24/06/2010 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 09/11/2017, Công ty có các ngành nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phốt pho vàng và các hoạt động dịch vụ có liên quan đến sản phẩm phốt pho vàng</i>	2029 (Chính)
2	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng Quắc Zít</i>	0899
3	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
4	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Bán buôn hoá chất trong lĩnh vực công nghiệp</i>	4669
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành công nghiệp</i>	4659
7	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
8	Sản xuất, mua bán vật tư, sản phẩm ngành hóa chất; sản xuất mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất, Các hoạt động nghiên cứu thử nghiệm và dịch vụ khác; Kinh doanh doanh bất động sản; Nghiên cứu thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất, thiết kế sản xuất hóa chất; Sản xuất kinh doanh phốt pho vàng; các sản phẩm và các hoạt động dịch vụ có liên quan đến sản phẩm phốt pho vàng; <i>(Doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh các ngành nghề khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)</i>	

2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/03/2018

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tổng giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	79	6.048.720	60.487.200.000	100%
1.1	<i>Cổ đông tổ chức (Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam)</i>	01	3.934.548	39.345.480.000	65,05%
1.2	<i>Cổ đông cá nhân</i>	78	2.114.172	21.141.720.000	34,95%
2	Cổ đông ngoài nước	0	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng cộng	79	6.048.720	60.487.200.000	100%

Nguồn: Công ty cổ phần Phốt Phô Việt Nam

3. Tình hình tài chính của Công ty

3.1 Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: Đồng

	TÀI SẢN	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	182.408.981.186	137.734.562.684	129.155.063.031
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	30.683.248.212	36.363.314.719	19.264.791.485
1	Tiền	3.683.248.212	31.363.314.719	6.264.791.485
2	Các khoản tương đương tiền	27.000.000.000	5.000.000.000	13.000.000.000
II	Các khoản đầu tư tài	-	-	-

	TÀI SẢN I	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
	chính ngắn hạn			
III	Các khoản phải thu	70.211.469.582	60.405.798.552	45.738.746.352
1	Phải thu khách hàng	94.040.846.284	75.339.129.694	60.647.213.930
2	Trả trước cho người bán	-	-	-
3	Các khoản phải thu khác	222.945.548	161.570.548	186.434.112
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(24.052.322.250)	(15.094.901.690)	(15.094.901.690)
IV	Hàng tồn kho	75.935.311.676	38.914.121.780	61.344.331.083
V	Tài sản ngắn hạn khác	5.578.951.716	2.051.327.633	2.807.194.111
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	1.104.381.954	135.582.007	1.256.728.239
2	Thuế GTGT được khấu trừ	908.637.135	1.608.259.258	1.550.400.847
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	3.565.932.627	307.486.368	65.025
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	20.867.504.398	18.466.958.164	16.833.203.575
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
II	Tài sản cố định	15.009.167.775	14.908.385.010	13.807.703.002
1	Tài sản cố định hữu hình	15.009.167.775	13.152.413.629	12.051.731.621
	- Nguyên giá	72.045.025.476	73.764.659.451	73.764.659.451
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(57.035.857.701)	(60.612.245.822)	(61.712.927.830)
2	Tài sản cố định vô hình	-	1.755.971.381	1.755.971.381
	- Nguyên giá	-	1.755.971.381	1.755.971.381
	- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-
III	Tài sản dở dang dài hạn	4.202.257.640	-	9.724.787
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.202.257.640	-	9.724.787
IV	Bất động sản đầu tư	-	-	-

	TÀI SẢN	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	1.656.078.983	3.558.573.154	3.015.775.786
1	Chi phí trả trước dài hạn	1.656.078.983	3.558.573.154	3.015.775.786
	TỔNG TÀI SẢN	203.276.485.584	156.201.520.848	145.988.266.606
	NGUỒN VỐN			
A	NỢ PHẢI TRẢ	115.372.164.522	84.755.683.468	85.058.441.292
I	Nợ ngắn hạn	115.372.164.522	84.755.683.468	85.058.441.292
1	Phải trả người bán	36.354.459.447	22.846.067.996	33.542.694.469
2	Người mua trả tiền trước	-	-	158.196.024
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.528.206	882.256.738	332.101.965
4	Phải trả công nhân viên	8.763.702.546	4.671.209.080	3.543.880.140
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.245.476.065	2.850.360.454	3.187.825.027
6	Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	18.276.672.000	10.670.312.680
7	Vay và nợ ngắn hạn	57.777.889.960	28.818.870.290	27.324.430.380
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	594.550.000	1.392.927.278	1.392.927.278
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.622.558.298	5.017.319.632	4.906.073.329
II	Nợ dài hạn	-	-	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	87.904.321.062	71.445.837.380	60.929.825.314
I	Vốn chủ sở hữu	87.904.321.062	71.445.837.380	60.929.825.314
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.487.200.000	60.487.200.000	60.487.200.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	10.480.747.364	-	-
3	Lợi nhuận chưa phân phối	16.936.373.698	10.958.637.380	442.625.314
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-
	TỔNG NGUỒN VỐN	203.276.485.584	156.201.520.848	145.988.266.606

Nguồn: BCTC năm 2016, 2017 đã kiểm toán và BCTC Quý I/2018 của Phốt Pho Việt Nam

3.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm so với năm 2016	Quý I/2018
1	Doanh thu thuần	500.281	384.698	(23,10%)	74.618
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.828	19.716	42,58%	382
3	Lợi nhuận khác	583	256	(56,14%)	172
4	Lợi nhuận trước thuế	14.411	19.972	38,58%	554
5	Lợi nhuận sau thuế	11.635	15.902	36,68%	442
6	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	142,97%	164,66%	21,69%	N/A

So với năm 2016, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Phốt pho Việt Nam đã có một số chuyển biến khá tích cực. Mặc dù doanh thu thuần giảm 23,10% so với năm 2016 nhưng các chỉ tiêu lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế năm 2017 đều tăng tương đối so với năm 2016. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2017 đạt 19.716 triệu đồng, tăng 42,58% so với năm 2016. Điều này là do Công ty được hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi của khách hàng Kunming Taijin Commercial & Trade Co.,Ltd với giá trị 8.957 triệu đồng. Do đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty cũng tăng mạnh so với năm 2016, đạt 15.902 triệu đồng, bằng 136,68% lợi nhuận sau thuế năm 2016.

3.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	DVT	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,58	1,63
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,92	1,17
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,57	0,54
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,31	1,19
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,23	6,08

Các chỉ tiêu	DVT	Năm 2016	Năm 2017
Vòng quay tổng tài sản	Lần	2,27	2,14
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	2,33%	4,13%
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	11,73%	19,96%
Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	5,29%	8,85%
Hệ số LN HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,76%	5,13%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	1.924	2.629

Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2017 chuyển biến tích cực hơn so với năm 2016. Điều này thể hiện thông qua các chỉ số tài chính, cụ thể:

Về khả năng thanh toán: Chỉ tiêu thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh năm 2017 của Công ty tăng nhẹ so với năm 2016, đạt lần lượt là 1,63 và 1,17 lần, cho thấy Công ty có khả năng đáp ứng tốt việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

Về cơ cấu vốn: Công ty có cơ cấu vốn khá lành mạnh, chỉ tiêu Nợ phải trả/Tổng tài sản hai năm 2016 và 2017 bằng chưa tới 0,6 lần, tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2017 chưa tới 1,2 lần. Năm 2017, tỷ trọng nợ phải trả so với vốn chủ sở hữu và tổng nguồn vốn của Công ty giảm nhẹ so với năm 2016, các khoản vay và nợ thuê tài chính giảm đáng kể (từ 57.778 triệu đồng năm 2016 giảm xuống chỉ còn 28.819 triệu đồng năm 2017).

Về chỉ tiêu khả năng sinh lời: Như đã trình bày ở trên, các chỉ tiêu khả năng sinh lời năm 2017 của Công ty đều tích cực hơn năm 2016, bên cạnh việc lợi nhuận sau thuế tăng đáng kể so với năm 2016, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu và Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản tăng nhiều còn do vốn chủ sở hữu và tổng tài sản năm 2017 giảm so với năm 2016.

3.4 Tài sản cố định đến ngày 31/03/2018

STT	Tài sản	31/03/2018		
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	73.764.659.451	61.712.927.830	12.051.731.621
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	40.358.414.743	34.680.603.947	5.677.810.796
1.2	Máy móc thiết bị	26.834.791.527	22.568.268.900	4.266.522.627
1.3	Phương tiện vận tải	6.369.282.272	4.330.730.992	2.038.551.280
1.4	Thiết bị văn phòng	202.170.909	133.323.991	68.846.918
1.5	Tài sản cố định hữu hình khác	-	-	-

STT	Tài sản	31/03/2018		
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
2	Tài sản cố định vô hình	1.755.971.381	-	1.755.971.381
2.1	Quyền sử dụng đất	1.755.971.381	-	1.755.971.381
	Cộng	75.520.630.832	61.712.927.830	13.807.703.002

Nguồn: Báo cáo tài chính Quý I/2018 Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam

4. Danh mục đất đai Công ty đang quản lý, sử dụng đến thời điểm 31/03/2018

TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Tình trạng pháp lý
1	KCN Tăng Loông, huyện Bảo Thắng tỉnh Lào Cai	71.327	Sản xuất	Trụ sở chính	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BK05901
2	Khu đất tại số 1.3 đường Trần Hưng Đạo, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	171,6	Đất ở đô thị	Văn phòng đại diện	Đang thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

5. Tình hình sử dụng lao động của Công ty

5.1 Số lượng lao động

Tổng số lượng lao động trong Công ty tính tại thời điểm 31/03/2018 là 85 người với phân loại cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ chuyên môn		
Trên đại học, đại học	11	12,94
Cao đẳng	6	7,06
Trung cấp	52	61,18
Lao động phổ thông	16	18,82
Phân loại theo thời hạn hợp đồng		
Hợp đồng không xác định thời hạn	78	91,76
Hợp đồng có xác định thời hạn	7	8,24

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Phân loại theo tính chất lao động		
Lao động trực tiếp	59	69,41
Lao động gián tiếp	26	30,59

5.2 Chính sách đối với người lao động

Chính sách đối với người lao động của Phốt Pho Việt Nam hiện tại cụ thể như sau:

▪ Thời gian làm việc

- Thời gian làm việc bình thường không quá 8 giờ trong 1 ngày và 48 giờ trong 1 tuần;
 - + Đối với người lao động làm việc theo giờ hành chính quy định từ 07 giờ 30 đến 16 giờ 30 các ngày làm việc trong tuần;
 - + Đối với người lao động làm việc theo ca, kíp: Làm việc từ thứ hai đến chủ nhật (nghỉ luân phiên theo ca).

Ca sáng : Từ 07 giờ 30 đến 15 giờ 30 hàng ngày

Ca chiều : Từ 15 giờ 30 đến 23 giờ 30 hàng ngày

Ca đêm : Từ 23 giờ 30 đến 07 giờ 30 ngày hôm sau

(giờ làm việc ban đêm được tính từ 22 giờ 00 đến 6 giờ 00 ngày hôm sau)

- Thời gian làm việc không quá 06 giờ trong 01 ngày đối với những người làm các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Y tế ban hành.
- Đối với lái xe: do đặc thù công việc nên thời gian làm việc và thời gian nghỉ được công ty bố trí sắp xếp phù hợp với nhu cầu công việc theo đúng quy định của pháp luật lao động;

▪ Thời gian nghỉ làm việc, nghỉ giữa ca

- Nghỉ trong giờ làm việc:

Người lao động làm việc liên tục 08 giờ hoặc 06 giờ theo quy định tại Điều 104 của Bộ luật lao động được nghỉ giữa giờ ít nhất 30 phút, tính vào thời giờ làm việc;

Trường hợp làm việc vào ban đêm thì người lao động được nghỉ giữa giờ ít nhất 45 phút, tính vào thời giờ làm việc.

- Nghỉ chuyển ca: Người lao động làm việc theo ca được nghỉ ít nhất 12 giờ trước khi chuyển sang ca làm việc khác.

- Nghỉ hằng tuần:

Mỗi tuần, người lao động được nghỉ ít nhất 24 giờ liên tục;

Trường hợp đặc biệt (hoạt động sản xuất kinh doanh theo thời vụ,...) không thể bố trí được một ngày nghỉ/tuần thì người sử dụng lao động sẽ sắp xếp cho người lao động được nghỉ bù ít nhất 04 ngày/tháng.

- Nghỉ phép hàng năm

- + Người lao động có đủ 12 tháng làm việc thì được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động như sau:
 - ✓ Bộ phận lò điện sản xuất phốt pho, Nồi hơi, Tinh chế - đóng gói: 16 ngày/năm;
 - ✓ Các phòng ban công ty và các bộ phận còn lại: 14 ngày/năm.
- + Công ty có quyền quy định lịch nghỉ phép hằng năm sau khi tham khảo ý kiến của người lao động và thông báo trước cho người lao động.
- + Cán bộ và tất cả nhân viên hành chính có thể thỏa thuận với người sử dụng lao động về việc nghỉ phép năm và phải làm thủ tục nghỉ phép năm trước 07 ngày và bàn giao công việc cho nhân viên làm thay.
- + Phép năm nào giải quyết năm đó, không bảo lưu cộng dồn sang năm tiếp theo. Trường hợp đặc biệt (người lao động ở nơi xa xôi hẻo lánh ...) có thể được chuyển những ngày phép chưa nghỉ của năm trước sang quý I năm sau nhưng phải được Giám đốc công ty chấp thuận.
- + Khi nghỉ hằng năm, người lao động được tạm ứng trước một khoản tiền ít nhất bằng tiền lương của những ngày nghỉ.
- + Khi nghỉ hằng năm, nếu người lao động đi bằng các phương tiện đường bộ, đường sắt, đường thủy mà số ngày đi đường cả đi và về trên 02 ngày thì từ ngày thứ 03 trở đi được tính thêm thời gian đi đường ngoài ngày nghỉ hằng năm và chỉ được tính cho 01 lần nghỉ trong năm.
- + Cứ 05 năm làm việc cho Công ty thì số ngày nghỉ hằng năm của người lao động được tăng thêm tương ứng 01 ngày.
- + Tiền tàu xe nghỉ phép năm được thanh toán mỗi năm một lần bằng phương tiện giao thông công cộng (trừ vé máy bay) nếu có đủ chứng từ thanh toán hợp lệ.
- + Người lao động do thôi việc, bị mất việc làm hoặc vì các lý do khác mà chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm thì được thanh toán bằng tiền những ngày chưa nghỉ.
- + Người lao động có dưới 12 tháng làm việc thì thời gian nghỉ hằng năm được tính theo tỷ lệ tương ứng với số thời gian làm việc. Trường hợp không nghỉ thì được thanh toán bằng tiền.
- Nghỉ lễ, tết:

Người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương trong những ngày:

 - + Tết Dương lịch 01 ngày (ngày 01 tháng 01 dương lịch);
 - + Tết Âm lịch 05 ngày;
 - + Ngày Chiến thắng 01 ngày (ngày 30 tháng 4 dương lịch);
 - + Ngày Quốc tế lao động 01 ngày (ngày 01 tháng 5 dương lịch);
 - + Ngày Quốc khánh 01 ngày (ngày 02 tháng 9 dương lịch);
 - + Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương 01 ngày (ngày 10 tháng 3 âm lịch).

Nếu những ngày nghỉ nói trên trùng vào ngày nghỉ hằng tuần, thì người lao động được nghỉ bù vào ngày kế tiếp.

- Nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương

Người lao động được nghỉ việc riêng mà vẫn hưởng nguyên lương trong những trường hợp sau đây:

- + Kết hôn: nghỉ 03 ngày;
- + Con kết hôn: nghỉ 01 ngày;
- + Bố đẻ, mẹ đẻ, bố vợ, mẹ vợ hoặc bố chồng, mẹ chồng chết; vợ chết hoặc chồng chết; con chết: nghỉ 03 ngày.

Người lao động được nghỉ không hưởng lương 01 ngày và phải thông báo với người sử dụng lao động khi ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh, chị, em ruột chết; bố hoặc mẹ kết hôn; anh, chị, em ruột kết hôn. Ngoài ra, người lao động có thể thoả thuận với người sử dụng lao động để nghỉ không hưởng lương.

▪ Điều kiện an toàn sức khỏe và vệ sinh lao động

- An toàn lao động

- + Người lao động thực hiện đúng quy định về an toàn, phòng chống cháy nổ tại nơi làm việc;
- + Tham gia đầy đủ các khoá huấn luyện về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ;
- + Sử dụng và bảo quản đúng chế độ, thực hiện đúng quy trình, quy định đối với các phương tiện phòng cháy, chữa cháy, các thiết bị điện, máy tính, máy văn phòng và các thiết bị điện tử khác được công ty trang bị;
- + Hết giờ làm việc phải tắt các thiết bị không cần sử dụng, kiểm tra lại khoá kết, tài liệu của phòng làm việc bảo đảm an toàn;
- + Không tự ý sử dụng các thiết bị, dụng cụ của người khác. Không cho người khác sử dụng các trang thiết bị, dụng cụ của mình mà người đó không am hiểu về các quy định, nguyên tắc an toàn lao động đối với thiết bị, dụng cụ đó;
- + Trước khi bố trí người lao động vào làm việc ở nơi có yếu tố nguy hiểm, cán bộ phụ trách phải cử người có kinh nghiệm hướng dẫn về an toàn lao động, vệ sinh lao động và công tác phòng cháy chữa cháy. Đối với người được giao vận hành, sử dụng các loại thiết bị máy móc buộc phải qua đào tạo, bồi dưỡng có kiểm tra, nếu đủ khả năng mới được giao sử dụng;
- + Các bộ phận chức năng và người trực tiếp sử dụng máy móc thiết bị phải thực hiện nghiêm túc chế độ kiểm tra định kỳ, tu sửa, bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị theo đúng quy trình, quy phạm của loại máy móc, thiết bị đó;
- + Nghiêm cấm mang vũ khí, hàng cấm, chất gây nổ, chất gây cháy vào Công ty;
- + Người lao động phải báo cáo kịp thời với người quản lý lao động trực tiếp hoặc phòng KT - HC khi phát hiện nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hoả hoạn. Có trách nhiệm tham gia cấp cứu và khắc phục hậu quả.

Quy định bổ sung với xưởng sản xuất

- + Tuân thủ đầy đủ và nghiêm chỉnh các quy định về an toàn lao động trong quá trình làm việc;

- + Trang bị đầy đủ, đúng cách các loại bảo hộ lao động khi sản xuất. Bảo quản, gìn giữ tốt các trang thiết bị bảo hộ lao động và thường xuyên kiểm tra độ an toàn, tin cậy của các trang thiết bị đó để đảm bảo cho quá trình sử dụng;
 - + Cán bộ quản lý sản xuất chủ động đề xuất mua mới hoặc bổ sung những trang thiết bị cần thiết nhằm đảm bảo an toàn sản xuất;
 - + Tuyệt đối không được sử dụng các chất kích thích như rượu, bia và các chất gây nghiện khi đang sản xuất, đặc biệt không được đùa nghịch hoặc có hành vi gây nguy hiểm cho bản thân và người khác khi đang sản xuất.
- **Vệ sinh lao động**
- + Người lao động phải có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh phòng, khu vực làm việc, máy móc và các trang thiết bị, phương tiện làm việc.
 - + Đối với công nhân sản xuất phải đảm bảo vệ sinh sạch sẽ đúng quy định khi tham gia sản xuất.

▪ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

Tiền lương được trả trực tiếp, đầy đủ, đúng thời hạn về số lượng, chất lượng và tiến độ thực tế hoàn thành công việc của người lao động, phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phân phối tiền lương cho người lao động theo nguyên tắc: những người thực hiện công việc như nhau thì hưởng lương như nhau; những người thực hiện các công việc đòi hỏi trình độ quản lý, trình độ chuyên môn cao, kỹ thuật cao, tay nghề hoặc nghiệp vụ giỏi, đóng góp nhiều vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty thì được trả lương cao.

Quỹ khen thưởng từ quỹ lương dùng để khen thưởng, động viên khuyến khích những tập thể, cá nhân trong công ty có nhiều thành tích như: hoàn thành công việc trước thời hạn hoặc đúng thời hạn, đạt chất lượng tốt, tiết kiệm chi phí, vượt khó khăn, sáng tạo trong công việc, có thành tích nổi trội, hoàn thành xuất sắc công việc. Giám đốc Công ty quyết định việc sử dụng quỹ khen thưởng sau khi thống nhất với Ban chấp hành Công đoàn.

5.3 Đánh giá về lượng lao động của Phốt Pho Việt Nam:

Đội ngũ cán bộ công nhân viên có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, làm chủ được công nghệ dẫn đến chủ động trong mọi tình huống, đảm bảo sản xuất được ổn định.

Tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty đoàn kết, ý thức được những khó khăn, thuận lợi nên luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tư tưởng ổn định gắn bó với công ty.

IV. PHƯƠNG ÁN THOÁI VỐN

1. Thông tin về cổ phần chuyển nhượng

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam (Phốt Pho Việt Nam)
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Hạn chế chuyển nhượng: Không
- Vốn điều lệ của Phốt Pho Việt Nam: 60.487.200.000 đồng

- Số cổ phần đang lưu hành: 6.048.720 cổ phần
- Số lượng cổ phần CSV đang sở hữu: 3.934.548 cổ phần
- Tỷ lệ nắm giữ của CSV tại Phốt Pho Việt Nam trước khi chào bán: 65,05% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần CSV dự kiến thực hiện chào bán: 3.934.548 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần chào bán/vốn điều lệ của Phốt Pho Việt Nam: 65,05%
- Tỷ lệ nắm giữ của CSV tại Phốt Pho Việt Nam sau khi chào bán: 0% vốn điều lệ
- Giá bán khởi điểm: 21.850 đồng/cổ phần (căn cứ theo Chứng thư thẩm định giá số 124-18/CT-ĐG/ĐG-VAE ngày 16/03/2018 do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam thực hiện)
- Phương thức chào bán: Thực hiện thông qua hình thức bán đấu giá công khai tại Sở giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh (HOSE).

2. Triển khai phương án thoái vốn

Sau khi Hội đồng quản trị CSV phê duyệt Phương án thoái vốn tại Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam, CSV sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á để nộp hồ sơ chào bán cổ phần của cổ đông lớn ra công chúng cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép đăng ký chào bán cho CSV, CSV sẽ triển khai các bước tổ chức bán đấu giá công khai cổ phiếu Phốt Pho Việt Nam tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

Kết thúc đợt chào bán, CSV sẽ thực hiện báo cáo kết quả chào bán với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

3. Lộ trình thoái vốn dự kiến

- Thực hiện định giá cổ phần Phốt Pho Việt Nam (thời điểm định giá 31/12/2017): Tháng 3/2018
- HĐQT CSV thông qua giá khởi điểm và phương án thoái vốn: Tháng 5/2018
- CSV nộp hồ sơ chào bán cho Ủy ban Chứng khoán nhà nước: Tháng 5/2018
- Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp Giấy phép chào bán: Tháng 6/2018
- Tổ chức đấu giá cổ phần Phốt Pho Việt Nam: Tháng 7/2018
- Báo cáo kết quả chào bán cho Tập đoàn và Ủy ban Chứng khoán nhà nước: Tháng 7/2018

4. Phương án bán tiếp số cổ phần không bán hết trong trường hợp bán đấu giá không thành công

Sau khi chào bán cổ phần thông qua đấu giá mà vẫn còn cổ phần không bán hết (do không có nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá hoặc chỉ có 1 nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá hoặc số lượng cổ phần đăng ký mua thấp hơn số lượng cổ phần chào bán hoặc nhà đầu tư trúng đấu giá không nộp tiền mua cổ phần...), Hội đồng quản trị sẽ xem xét các phương án giải quyết cổ phần không bán hết tùy theo tình hình thực tế và giao cho Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

5. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến của Phốt Pho Việt Nam sau khi thoái vốn

Chỉ tiêu	Năm 2018	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2017
Doanh thu thuần	319	(17,08%)
Lợi nhuận sau thuế	2,8	(82,39%)
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,88%	(3,25%)
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4,63%	(15,33%)
Cổ tức (đồng/cổ phiếu)	413	(90,46%)

Đánh giá tình hình hoạt động của Phốt Pho Việt Nam sau khi CSV thoái vốn:

- **Thuận lợi:**

- Đội ngũ CBCNV, NLĐ có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, làm chủ được công nghệ dẫn đến chủ động trong mọi tình huống, đảm bảo sản xuất được ổn định.
- Tập thể CBCNV, NLĐ trong công ty đoàn kết, ý thức được những khó khăn, thuận lợi khi chuyển đổi mô hình hoạt động nên luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tư tưởng ổn định gắn bó với công ty.

- **Khó khăn:**

- Về sản xuất:
 - + Hệ thống thiết bị sản xuất chính là sau 13 năm hoạt động đến nay xuống cấp nhiều, phải thường xuyên giám sát và đưa vào thời kỳ sửa chữa lớn nhiều hạng mục;
 - + Tình hình cung cấp nguyên liệu Quặng Apatit cục loại 1 (nguyên liệu chính) cho sản xuất phốt pho vàng tại Việt Nam ngày càng khó khăn do nguồn cung cấp đang cạn kiệt và chất lượng nguyên liệu Quặng cục loại 1 và 2 ngày một kém (Hàm lượng P₂O₅ thấp, lẫn nhiều tạp chất). Do vậy định mức tiêu hao nguyên liệu cho sản phẩm sẽ tăng dẫn tới giá thành tăng.
 - + Nguyên, vật liệu chính khác như: than cốc, điện cực phải nhập khẩu từ Trung Quốc. Trong năm 2017 liên tục biến động tăng giá do khan hiếm nguồn cung cấp vì những quy định và chính sách của Nhà nước Trung Quốc về môi trường nên nhiều nhà máy sản xuất than cốc, điện cực phải đóng cửa do không bảo đảm môi trường.
 - + Điện năng: theo Quyết định số 4495/QĐ – BTC ngày 30/11/2017 của Bộ Công thương quy định về giá bán điện từ tháng 12/2017 tăng 6,08% so với giá bán điện bình quân năm 2017 và có xu hướng sẽ tiếp tục điều chỉnh tăng trong những năm tiếp theo. Do vậy, Công ty phải dừng sản xuất giờ cao điểm để giảm chi phí, tuy nhiên giá điện thực tế sản xuất giờ thấp điểm và trung bình cũng làm tăng giá thành sản phẩm tương ứng 1,63%.

- Về tiêu thụ sản phẩm:
 - + Tổng cầu của sản phẩm phốt pho vàng không tăng, trong khi đó sản lượng cung cấp ra thị trường ngày một tăng cao do các đơn vị sản xuất phốt pho vàng mở rộng nâng sản lượng cũng như đầu tư mới nên việc tiêu thụ sản phẩm cũng gặp nhiều khó khăn đòi hỏi sự cạnh tranh cao và quyết liệt.
 - + Thị trường tiêu thụ sản phẩm Phốt pho vàng chủ yếu là xuất khẩu vì vậy chi phí vận chuyển hàng bán chủ yếu là chi phí vận tải đường bộ, đường biển cao hơn so với các nước như: Trung Quốc, Kazakhstan...do hạ tầng giao thông Việt Nam chưa phát triển đồng bộ, khoảng cách vận chuyển xa, phải trung chuyển hàng qua cảng trung gian khi xuất bán sang thị trường Châu Âu, Nam Phi, Nam Mỹ...
 - + Chính sách thuế: sản phẩm phốt pho vàng xuất khẩu của Công ty thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo Luật 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT có hiệu lực từ ngày 01/07/2016. Chính sách này đã ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động SXKD của Công ty do toàn bộ tiền thuế GTGT đầu vào tương ứng với doanh thu sản phẩm xuất khẩu không được khấu trừ làm tăng giá vốn hàng bán tương ứng 8% dẫn đến chi phí tăng cao khó cạnh tranh trên thị trường.
 - + Chính sách môi trường: công tác về An toàn – Môi trường, PCCN, đầu tư cải tiến công nghệ để đáp ứng và đảm bảo theo quy định mới hiện nay và giai đoạn sau về môi trường đang là áp lực rất lớn đối với Công ty do hiện tại KCN được đánh giá chung là rất ô nhiễm.

- **Thách thức:**

Trong khi các nhà máy sản xuất phốt pho hiện nay tiếp tục mở rộng nâng công suất cũng như đầu tư thêm nhà máy mới. Sản lượng sản xuất sản phẩm phốt pho vàng tại Việt Nam tiếp tục tăng thêm 20.000 tấn/năm, nâng tổng sản lượng sản xuất tại Việt Nam lên 122.000 tấn/năm. Trong khi nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu hiện tại chỉ khoảng 80.000 tấn/năm. Đó là những thách thức rất lớn và sẽ rất khó khăn trong việc mua đủ nguyên liệu phục vụ cho sản xuất ổn định, hiệu quả...cũng như tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, lãnh đạo cùng tập thể CBCNV, NLD toàn Công ty quyết tâm phấn đấu thực hiện nhiệm vụ kế hoạch được giao.

- **Kiến nghị:**

Nhà nước xem xét sửa đổi chính sách thuế GTGT theo Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT có hiệu lực từ ngày 01/07/2016 theo hướng điều chỉnh sản phẩm Phốt pho vàng thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

6. **Đánh giá lợi ích thu được và ảnh hưởng của việc thoái vốn**

Giá bán cổ phần Phốt Phô Việt Nam do thị trường quyết định, nếu bán hết số cổ phần chào bán và giá bán bằng giá khởi điểm thì lợi ích thu được sau khi trừ các chi phí liên quan đến thoái vốn ước đạt như sau:

STT/công thức tính	Chỉ tiêu	Giá trị
(1)	Giá dự kiến chào bán thành công: 21.850 đồng/cổ phần	
(2)	Số lượng cổ phần chào bán thành công: 3.934.548 cổ phần	
(3)=(1)x(2)	Số tiền dự kiến thu được là:	21.850 x 3.934.548 = 85.969.873.800 đồng
(4)	Tổng chi phí thoái vốn dự kiến, trong đó:	492.909.621 đồng
	- Chi phí thẩm định giá	80.000.000 đồng
	- Chi phí tư vấn phương án thoái vốn	90.000.000 đồng
	- Chi phí đăng báo đấu giá	15.000.000 đồng
	- Chi phí đấu giá: Theo thông tư 241/2016/TT-BTC: 0,3% trên tổng giá trị bán được (tối thiểu 20 triệu đồng)	257.909.621 đồng (*) (tính theo giá khởi điểm)
	- Chi phí khác: chi phí hội họp, văn phòng phẩm, chi khác...	50.000.000 đồng
(5)=(3)-(4)	Tổng số tiền dự kiến thu được sau khi thoái vốn	85.476.964.179 đồng

7. Kiến nghị khác

Trước khi thoái vốn, CSV là công ty mẹ của Phốt Pho Việt Nam. Số lượng lao động của Phốt Pho Việt Nam hiện nay có 85 người lao động, trong đó có 69,4% là lao động trực tiếp. Để đảm bảo hoạt động kinh doanh của Phốt Pho Việt Nam ổn định sau khi CSV thoái toàn bộ, người lao động yên tâm làm việc, kiến nghị khi tổ chức triển khai phương án thoái vốn, khuyến khích nhà đầu tư mua cổ phần tiếp tục sử dụng lao động đang làm việc tại Công ty, cũng như bảo đảm đầy đủ chế độ cho người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và Quy chế hiện hành của Phốt Pho Việt Nam.